

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T,
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DS-ST

Ngày: 03-8-2022

Về việc: “*Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Huỳnh Điệp.

Ông Nguyễn Phước Đạt.

- Thư ký phiên tòa: bà Võ Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 và 03 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 11/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Khắc T**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp H, xã Thạnh Đ, huyện Bến L, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Văn U, sinh năm 1975.

Địa chỉ: H Trần Hưng Đ, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: M Quốc lộ M, Phường H, thành phố T, tỉnh Long An.

(Ông U, bà X vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2021 của ông Nguyễn Khắc T và các lời trình bày của ông Võ Văn U là người đại diện theo ủy quyền của ông T có trong hồ sơ có nội dung:

Ngày 06/4/2020, ông Nguyễn Khắc T và bà Nguyễn Thị X có ký hợp đồng số 803 quyền số 04/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Hồ Thị Hồng L cho bà X vay số tiền 250.000.000đ, thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất là 1,7%/tháng. Tuy nhiên, khi hết thời hạn vay theo thỏa thuận trong hợp đồng mà bà X chưa trả cho ông T nợ gốc và lãi. Ông T đã nhiều lần yêu cầu bà X trả nợ nhưng bà X cứ hèn hoai. Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà X trả cho ông số tiền gốc vay là 250.000.000đ và lãi suất cụ thể như sau:

- Lãi suất trong hạn là 1,66%/năm tính từ ngày 06/4/2020 đến ngày 06/6/2020 là $250.000.000đ \times 1,66\% \times 02 \text{ tháng} = 8.300.000đ$.

- Lãi chậm trả tính từ ngày 07/6/2020 đến ngày 07/4/2021 là lãi suất trong hạn $\times 0,83\% \times 10 \text{ tháng} = 688.900đ$.

- Lãi trên nợ gốc quá hạn bằng $250.000.000đ \times 150\% \times 1,66\% \times 10 \text{ tháng} = 62.250.000đ$.

Tổng cộng là 321.283.900đ. Ông U cũng xác định chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị X phải trả số tiền này.

Ngày 18/7/2022, ông U có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử tại Tòa án.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị X vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Bà Nguyễn Thị X đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà X không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; phiên hòa giải do Tòa án tổ chức; không có văn bản thể hiện ý kiến của bà X đối với yêu cầu khởi kiện của ông T. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bà X cũng vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc T là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: ông Nguyễn Khắc T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị X có địa chỉ cư trú tại thành phố T nên căn cứ vào **Khoản 3 Điều 26**; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là ông Võ Văn U, Bị đơn là bà Nguyễn Thị X: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập bà X đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng bà X không chấp hành. Riêng ông Võ Văn U là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy phiên tòa hôm nay dù vắng mặt các đương sự nêu trên nhưng Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng nên việc xét xử vắng mặt đương sự này là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về hợp đồng vay tài sản: theo lời trình bày của ông Võ Văn U vào ngày 06/4/2020, ông Nguyễn Khắc T và bà Nguyễn Thị X có ký hợp đồng số 803 quyền số 04/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Hồ Thị Hồng L cho bà X vay số tiền 250.000.000đ, thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất là 1,7%/tháng. Tuy nhiên, từ khi hết thời hạn vay cho đến nay thì bà X vẫn chưa trả tiền nên ông T khởi kiện yêu cầu bà X trả số tiền vay là 250.000.000đ. Kèm theo lời trình bày của mình, ông T cung cấp cho Tòa án “Hợp đồng vay tiền” ngày 06/4/2020 có chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Thị X. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào nội dung “Hợp đồng vay tiền” ngày 06/4/2020 có chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Thị X thì đủ cơ sở để xác định bà X có vay ông T tổng số tiền là 250.000.000đ, thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất là 1,7%/tháng. Bà X được tòa án triệu tập họp lệ, biết được việc ông T khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền đã vay nhưng bà X không có ý kiến gì đối với khoản tiền vay này nên việc ông T khởi kiện yêu cầu bà X trả số tiền 250.000.000đ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về phương thức thanh toán: Ông Nguyễn Khắc T yêu cầu bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả tiền vay, bà X không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà X trả cho ông T số tiền trên sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về lãi suất cho vay: Căn cứ “Hợp đồng vay tiền” ngày 06/4/2020 có thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất là 1,7%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1,7%/tháng là cao so với quy định về mức lãi suất cho vay được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, khi khởi kiện yêu cầu trả tiền gốc vay và tiền lãi suất cho vay, ông T đã tự điều chỉnh mức lãi suất cho vay bằng với mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 1,66%/tháng, đồng thời bà X cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh việc bà đã trả lãi vay theo “Hợp đồng vay tiền” đã ký kết nên việc ông T yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét buộc bà X phải có nghĩa vụ trả tiền lãi đối với số tiền vay trên là phù hợp theo quy định tại các Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự, cụ thể:

- Lãi trên nợ gốc tương ứng với thời hạn vay là 1,66%/năm tính từ ngày 06/4/2020 đến ngày 06/6/2020 là 02 tháng, cụ thể: $250.000.000đ \times 1,66\% \times 02 \text{ tháng} = 8.300.000đ$.

- Lãi chậm trả của lãi trên nợ gốc tính từ ngày 07/6/2020 đến ngày 07/4/2021 là 10 tháng, cụ thể: $8.300.000đ \times 0,83\% \times 10 \text{ tháng} = 688.900đ$.

- Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 07/6/2020 đến ngày 07/4/2021 là 10 tháng, cụ thể: $250.000.000đ \times 150\% \times 1,66\% \times 10 \text{ tháng} = 62.250.000đ$.

Tổng cộng là 71.283.900đ.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.064.150đ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Ông Nguyễn Khắc T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 8.033.000đ do yêu cầu khởi kiện của ông được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 217, Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị X trả cho ông số tiền vay là 250.000.000đ và tiền lãi phát sinh là 71.283.900đ, tổng cộng là 321.283.900đ.

Buộc bà Nguyễn Thị X trả cho ông Nguyễn Khắc T số tiền vay là 250.000.000đ và tiền lãi phát sinh là 71.283.900đ, tổng cộng là 321.283.900đ.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi thực hiện nghĩa vụ do chậm trả tiền theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 16.064.150đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Khắc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Khắc T được nhận lại số tiền 8.033.000đ theo biên lai thu số 0001276 ngày 11/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh